TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HA HÒA- TỈNH PHÚ THO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập -Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 42/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 29/6/2018
V/v Tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ - TỈNH PHÚ THỌ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Vũ Văn Võ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tiến Thát**
2. Ông **Hoàng Đinh Đức**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Ngô Văn Tứ -** Thẩm tra viên Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa , tỉnh Phú Thọ: Không tham gia phiên toà.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa , tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 08/6/2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng A**, sinh năm 1994 . Vắng mặt

Địa chỉ: Khu 5, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Chị A có đơn xin xử vắng mặt

Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ : Khu 5, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang cải tạo tại phân trại số 1, trại giam Tân Lập, tổng cục VIII - Bộ Công An.

Anh T có đơn xin xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Thị Hồng A trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Anh T ngày 29/7/2013 , được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y , huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh T phạm tội bắt giữ người trái phép nhằm chiếm đoạt tài sản bị bắt và đi chấp hành án phạt tù từ năm 2015, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T để giải phóng cho bản thân và ổn định cuộc sống.

Về con chung:

Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 05/02/2015 , ly hôn chị xin trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị .

Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay chung, công sức đóng góp:

Chị xác định vợ chồng không có, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn là anh Nguyễn Anh T trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Hồng A ngày 20/10/2013, được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình chúng sống ban đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian cho đến năm 2015 anh phạm tội bắt giữ người trái phép nhằm chiếm đoạt tài sản bị bắt và đi chấp hành án phạt tù từ năm 2015, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Đến nay chị A xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung:

Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N , sinh ngày 05/02/2015, ly hôn anh đanh chấp hành án phạt tù nên không thể chăm sóc con chung và cấp dưỡng nuôi con được anh đề nghị chị A trực tiếp nuôi cháu N, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A do anh không có điều kiện.

Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay chung, công sức đóng góp:

Anh xác định vợ chồng không có, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh Nguyễn Anh T có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt vì hiện nay anh T đang

cải tạo tại phân trại số 1, trại giam Tân Lập, tổng cục VIII - Bộ Công An. Anh T có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giả và vắng mặt tại phiên tòa nên vụ án không hòa giải được thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 207, điểm b, khoản 2 điều 227 BLTTDS.

Chị Nguyễn Thị Hồng A có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 điều 227, điều 228 - BL TTDS Toà án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2].Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hồng A và anh Nguyễn Anh T kết hôn ngày 29/7/2013, được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T phạm tội bắt giữ người trái phép nhằm chiếm đoạt tài sản bị bắt và đi chấp hành án phạt tù từ năm 2015, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay , hai bên không quan tâm đến nhau, không có ý thức xây dựng, duy trì đời sống hôn nhân nữa, điều đó cho thấy:

Cuộc sống chung giữa chị Nguyễn Thị Hồng A và anh Nguyễn Anh T đã xẩy ra mâu thuẫn trầm trọng. Đến nay cả hai người đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị A xin ly hôn , anh T cũng đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng A do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A với anh T đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng A với anh Nguyễn Anh T là phù hợp với điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3].Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Hồng A xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 05/02/2015, ly hôn chị xin trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị .

Anh T cũng có quan điểm như chị A vì anh đang chấp hành án phạt tù. Xét nguyện vọng của chị A và anh T thấy phù hợp nên chấp nhận.

[4].Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà: Chị Nguyễn Thị Hồng A và anh Nguyễn Anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để giải quyết .

[5].Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐINH

Áp dụng: Điều 56,58, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 2 điều 227, điều 228 , khoản 4 Điều 147 - BLTTDS . Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho chị Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn với anh Nguyễn Anh T

Về con chung:

Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 05/02/2015 kể từ tháng 06/2018 cho đến khi cháu N thành niên . Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Ánh không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không bên nào được ngăn cấm.

Về tài sản chung; Công nợ chung và công sức đóng góp:

Chị A và anh T đều xác định không có , không yêu cầu . Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Hồng A phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hoà theo biên lai số 0003499 ngày 10/5/2018 (xác nhận chị A đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ .

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKSND H. Hạ Hòa*
- *Chi cục THADS H. Hạ Hòa*
- *Lưu HS- VP*
- *UBND xã Y*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Vũ Văn Võ